

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB 09 - 001 DH14CB 09

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RM03

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD		1	7.0	6.0	7,5	7,1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	DH14TD		1	6.0	8.0	3,0	4,6	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
3	14138003	Võng Cường	DH14TD		1	7.0	7.0	4,5	5,5	○①②③④●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
4	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD		1	7.0	6.0	1,0	3,2	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14138056	Vô Thành Hưng	DH14TD		1	6.0	8.0	7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD		1	5.0	9.0	7,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD		1	8.0	6.0	5,0	5,8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD		1	3.0	9.0	6,0	6,0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD		1	7.0	7.0	8,5	7,9	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●

Ngày in : 04/01/2016 10:39

Ngày in : 04/01/2016

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Xác nhận của Hồ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Trị 2

he' vu ban

LÊ QUANG HIỀN

Ng Vô Ngã Tru!

COET,
2/5
12 Perry Hwy

C672

St
Ng Vũ Ngọc Thanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 001_DH14CB_09**

Số Tin Ch 2

Ngày Thi **14/01/2016**

Phòng Thi **RD403**

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138005	Phạm Quốc Dũng	DH14TD	<i>Phạm</i>	1	6,0	7,0	1,5	3,5	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	12344143	Hồ Văn Hạ	CD12CI	<i>Hồ</i>	1	8,0	8,0	4,0	5,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
3	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC	<i>Hùng</i>	1	6,0	0,0	3,0	3,0	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	13154123	Phạm Hùng	DH13OT	<i>Hùng</i>	1	0,0	7,0	5,0	4,4	○ ⑩ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	12154066	Trần Công Khang	DH12OT	<i>Khang</i>	1	0,0	7,0	1,5	2,3	○ ⑩ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	13138103	Nguyễn Đình Lân	DH13TD	<i>Lân</i>	1	6,0	7,0	1,0	3,2	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	14115201	Nguyễn Nhật Minh	DH14CB							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD	<i>Phạm</i>	1	7,0	7,0	5,5	6,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	14138024	Phương Hoàng Phúc	DH14TD	<i>Phúc</i>	1	5,0	6,0	2,5	3,7	○ ⑩ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
10	14115230	Đặng Hữu Tài	DH14CB	<i>Tài</i>	1	8,0	7,0	4,5	5,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
11	13138201	Văn Thiên Thông	DH13TD	<i>Thông</i>	1	0,0	7,0	2,0	2,6	○ ⑩ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑪	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

HD: 10
Ưng: 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Le Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

LE QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngũ Vũ Ngọc Thảo

CBCT1
Le

Le Quang Hiền

CBCT2

Ngũ Vũ Ngọc Thảo



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 001_DH14CB_09

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT	<i>Dương</i>	1	7,0	8,0	6,5	6,9	001234567890	0123456789
2	13154026	Trần Văn Khả	DH13OT	<i>Khả</i>	1	5,0	6,0	9,5	7,9	001234567890	0123456789
3	13118183	Trương Như Khánh	DH13CC	<i>Khánh</i>	1	7,0	5,0	6,0	6,0	001234567890	0123456789
	13121137	Nguyễn Văn Lê	DH13OT	<i>Lê</i>	1	7,0	7,0	7,5	7,3	001234567890	0123456789
	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT	<i>Nam</i>	1	6,0	5,0	4,0	4,6	001234567890	0123456789
6	13154039	Nguyễn Văn Nghi	DH13OT	<i>Nghi</i>	1	3,0	0,0	2,5	2,1	001234567890	0123456789
7	13154046	Văn Vũ Hoàng Phúc	DH13OT	<i>Phúc</i>	1	8,0	6,0	9,0	8,2	001234567890	0123456789
8	13115394	Nguyễn Hữu Thọ	DH13CB	<i>Thọ</i>	1	5,0	6,0	4,5	4,9	001234567890	0123456789
9	13154062	Huỳnh Quang Trọng	DH13OT	<i>Trọng</i>	1	3,0	0,0	4,5	3,3	001234567890	0123456789
10	13334222	Từ Hữu Trí	CD13CI	<i>Trí</i>	1	4,0	5,0	6,0	5,4	001234567890	0123456789
-11	14153141	Phạm Văn Tuấn	DH14CD							001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

HP: 10
Vũ: 01
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ng Vũ Ngọc Thảo

LÊ QUANG HIỀN

Ng Vũ Ngọc Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 001_DH14CB_09

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118097	Nguyễn Hoàng Duy	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	5.0	7.0	3.0	4.2	○○○1234●56789○	01●3456789
2	12154085	Lê Đình Trường	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	0.0	7.0	6.0	5.0	○○○1234●6789○	●123456789
3	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC	<i>[Signature]</i>	2	8.0	8.0	9.0	8.6	○○○1234567●89○	012345●789
4	14153021	Mai Thế Kiệt	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	9.0	8.0	8.0	8.2	○○○1234567●89○	01●3456789
5	13118204	Trương Thanh Lộc	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	7.0	6.0	2.5	4.1	○○○123●456789○	0●23456789
6	12153009	Nguyễn Thanh Phong	DH12CD	<i>[Signature]</i>	1	7.0	6.0	2.0	3.8	○○○12●456789○	01234567●9
7	12154021	Trần Văn Thông	DH12OT	<i>[Signature]</i>	1	3.0	6.0	6.5	5.7	○○○1234●6789○	0123456●89
8	13138208	Nguyễn Văn Thuận	DH13TD							●○○123456789○	0123456789
9	14153053	Nguyễn Văn Tính	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	6.0	7.0	9.5	8.3	○○○1234567●89○	012●456789

Ngày in : 04/01/2016 H.D.XB
Vết: 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]

Lê Thị Bình

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]

Ngô Võ Ngọc Thael

CBCT 1

[Signature]

Lê Quang Hiền

CBCT 2

[Signature]

Ngô Võ Ngọc Thael

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB 09 - 002 DH14CB 09

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi: 14/01/2016

Phòng Thi RD305

Lớp **DH12CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153039	Lương Hoàng	Chương	DH12CD		1	6,0	7,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
2	13118140	Đặng Ngọc	Hiệu	DH13CK		1	7,0	7,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	14154112	Nguyễn Hoàng	Khuong	DH14OT		2	8,0	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
4	14138020	Lê	Nghiêm	DH14TD		1	6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
5	14115220	Nguyễn Trung	Phú	DH14CB		✓					0012345678910	0123456789
6	12158127	Phan Thanh	Quý	DH12TD		1	3,0	00	0,5	0,9	0012345678910	0123456789
7	14115102	Lê Ngọc	Sinh	DH14CB		✓					0012345678910	0123456789
8	14115231	Hoàng Đình	Tài	DH14CB		✓					0012345678910	0123456789
9	12154043	Dương Nhật	Trường	DH12OT		1	8,0	6,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày Tháng Năm

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

24

Cần bi coi đh 1

Can be / can't be?

Cao Đức Lợi

Nguyễn Văn Tuấn Anh



Mã nhận dạng 04267



Trang 1/1

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 002_DH14CB_09**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RD305

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153080	Lê Khoa Hậu	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	6,0	5,5	5,7	001234567890	0123456789
2	14138057	Nguyễn Triều Khang	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	8,0	1,5	3,7	001234567890	0123456789
3	14138070	Lê Thành Nghĩa	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	9,0	7,0	8,5	8,3	001234567890	0123456789
4	14138072	Nguyễn Vũ Nguyễn	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	9,0	9,0	7,0	7,8	001234567890	0123456789
5	14138078	Vũ Đại Phước	DH14TD	<i>[Signature]</i>	2	6,0	10,0	9,0	8,6	001234567890	0123456789
6	14153124	Hà Duy Thái	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	9,0	7,5	7,7	001234567890	0123456789
7	14138088	Nguyễn Đăng Trung	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	4,0	7,0	5,5	5,5	001234567890	0123456789
8	14115125	Trần Thị Mỹ Thơ	DH14GB	<i>[Signature]</i>	1	7,0	8,0	5,0	6,0	001234567890	0123456789
9	14138031	Tổng Ngọc Anh Thư	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	8,0	7,6	001234567890	0123456789
10	14115252	Võ Thị Thái Hòa	DH14CB	<i>[Signature]</i>	1	5,0	00	1,0	1,6	001234567890	0123456789
11	14138104	Phan Văn Tuấn	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	7,0	6,0	6,2	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cán Đức Lân

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Nguyễn Ngọc Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 002_DH14CB_09

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RD305

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118071	Mai Công Anh	DH13CK	<i>[Signature]</i>	1	8,0	6,0	10,0	8,8	○○○1234567●9⑩	○○1234567●9
2	13137013	Đặng Hoài Bảo	DH13NL	<i>[Signature]</i>	1	4,0	7,0	3,0	4,0	○○○123●56789⑩	●123456789
3	13137001	Nguyễn Duy Hậu	DH13NL	<i>[Signature]</i>	1	5,0	0,0	1,0	1,6	○○●123456789⑩	○○12345●789
4	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	6,0	6,0	7,5	6,9	○○○12345●789⑩	○○12345678●9
5	13137074	Mai Quang Khánh	DH13NL	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	3,0	4,6	○○○123●56789⑩	○○12345●789
6	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	7,0	8,5	8,1	○○○1234567●9⑩	○○●123456789
7	14153036	Phan Trọng Nghĩ	DH14CD	<i>[Signature]</i>	2	7,0	8,0	8,0	7,8	○○○123456●89⑩	○○1234567●9
8	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	3,0	4,6	○○○123●56789⑩	○○12345●789
9	12344126	Võ Thơm	CD12CI	<i>[Signature]</i>	1	3,0	5,0	2,5	3,1	○○○12●456789⑩	○○●123456789
10	13154198	Lê Anh Tuấn	DH13OT	<i>[Signature]</i>	1	5,0	6,0	3,0	4,0	○○○123●56789⑩	●123456789
11	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	7,0	8,5	8,1	○○○1234567●9⑩	○○●123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 4/11

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ngô Vũ Ngọc Thạch

Cao Đức Lợi

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CB_09 - 002_DH14CB_09

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi RD305

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154001	Võ Trường An	DH13OT		1	7,0	5,0	8,5	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	13118002	Đặng Ngọc ản	DH13CK		1	7,0	7,0	7,5	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	13334023	Lê Tuấn Chiến	CD13CI		1	3,0	7,0	3,5	4,1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
					1	7,0	6,0	2,0	3,8	○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
					2	6,0	7,0	8,0	7,4	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○
6	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI		1	6,0	6,0	5,5	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	13334169	Nguyễn Văn Tài	CD13CI		1	3,0	3,0	1,0	1,8	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC		1	7,0	5,0	4,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	13153029	Trần Văn Vĩ	DH13CD		1	3,0	7,0	2,0	3,2	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 9/10

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Đan

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Ngọc Thạc

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Xuân Anh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 001_DH14CD_10

Số Tín Ch 2

Nguy Thi 14/01/2016

Phong Thi PV400A

Lớp **DH08SK17 (Đại học Chính quy (Tin chỉ)-Sư phạm kỹ thuật NCN-2008)**

Trang 1

Lớp DH08SK17 (Đại học Chính quy (1 in chi)-Sử phạm kỳ thi tại NC.N-2008)											
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Điểm	D2 Điểm	D3 Điểm	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	08158034	Trần Đại	Dương	DH08SK17	1	6,0	6,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
2	14153079	Bùi Văn	Hân	DH14CD	1	6,0	7,0	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
3	14153023	Đinh Thiên Duy	Lâm	DH14CD	1	2,0	7,0	3,0	3,6	0012345678910	0123456789
4	14153024	Ngô Tường	Lâm	DH14CD	1	8,0	5,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
6	14153104	Phan Thanh	Nam	DH14CD	1	6,0	8,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
7	14153034	Chế Thành	Nghi	DH14CD	1	9,0	7,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
8	14153038	Lưu Thế	Nhân	DH14CD	1	6,0	8,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	Nhất	DH14CD	1	8,0	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
10	14153046	Hồ Vĩnh	Quý	DH14CD	1	3,0	5,0	3,0	2,8	0012345678910	0123456789
11	14153049	Nguyễn Thanh	Tâm	DH14CD	1	4,0	7,0	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
12	13153025	Đặng Văn	Thuyết	DH13CD	1	7,0	7,0	9,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04343



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 001_DH14CD_10

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400A

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Đ3 20%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
13	14153138	Phan Văn Trọng	DH14CD	<i>Trọng</i>	1	7.0	5.0	6.0	6.0	0012345●78910	●123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

KHOA ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

 Lê Văn Bân

CÁN BỘ CHẤM THI 1

 LÊ QUANG HIỀN

CÁN BỘ CHẤM THI 2

 Ngô Văn Ngọc Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật Điện tử(207110) - DHI4CD 10 - 001 DHI4CD 10

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phong Thi PV400A

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Track 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153001	Nguyễn Tuấn Anh	DH14CD	<i>Anh</i>	2	6,0	6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
2	14153006	Hồ Nguyễn Văn	DH14CD	<i>Cu</i>	1	6,0	7,0	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
3	14153010	Trần Vũ Anh	DH14CD	<i>Phu</i>	1	8,0	5,0	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	14153013	Nguyễn Sơn	DH14CD	<i>Si</i>	2	5,0	7,0	8,0	7,2	0012345678910	0123456789
5	14153014	Hồ Đức	DH14CD	<i>ĐH</i>	1	8,0	5,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
6	14153086	Nguyễn Xuân	DH14CD	<i>Xuân</i>	1					0012345678910	0123456789
7	14138071	Nguyễn Thị Kiều	DH14TD	<i>Kiều</i>	2	7,0	9,0	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
8	14153107	Đinh Như	DH14CD	<i>Như</i>	1	6,0	7,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
9	14153118	Phan Thương Hoài L.	DH14CD	<i>Tâm</i>	1	5,0	10	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
10	14153129	Phạm Hoàng	DH14CD	<i>Hoàng</i>	1	7,0	8,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
11	14153134	Nguyễn Thanh	DH14CD	<i>Thanh</i>	1	6,0	8,0	8,5	7,9	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày Tháng Năm

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Le m Bam

ĐỀ QUANG HIỂN

Như vậy Np là Thước

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD 10 - 001 DH14CD 10

Số Tín Ch. 2

Ngày Thi **14/01/2016**

Phong Thi PV400A

Lớp **DH14TD (Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa)**

Trane 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Đ.Số Đ.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138047	Lương Hồng	Đông	DH14TD		1	8,0	7,0	6,0	6,6	001234567890	0123456789
2	14138009	Hoàng Văn Anh	Đức	DH14TD		1	7,0	7,0	3,0	4,6	001234567890	0123456789
3	11158065	Nguyễn Việt Trung	Hiếu	DH11SK		1	8,0	4,0	4,0	4,8	001234567890	0123456789
4	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD		1					001234567890	0123456789
5	12118058	Nguyễn Tấn	Lộc	DH12CC		1	5,0	8,0	3,5	4,7	001234567890	0123456789
6	14138018	Nguyễn Hoàng	Long	DH14TD		1	7,0	6,0	4,5	5,3	001234567890	0123456789
7	14153039	Nguyễn Văn	Nhân	DH14CD		1	6,0	8,0	7,0	7,0	001234567890	0123456789
8	14154127	Nguyễn Văn	Nhận	DH14OT		1	8,0	7,0	5,0	6,0	001234567890	0123456789
9	14153044	Bùi Đức	Phượng	DH14CD		1	8,0	6,0	5,5	6,1	001234567890	0123456789
10	13138167	Nguyễn Hoàng	Quân	DH13TD		1					001234567890	0123456789
11	14138034	Nguyễn Minh	Trí	DH14TD		1	6,0	7,0	4,0	5,0	001234567890	0123456789
12	14153139	Lê Văn	Trường	DH14CD		1	7,0	6,0	7,0	6,8	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày Tháng Năm

Xác nhận của Bộ Môn

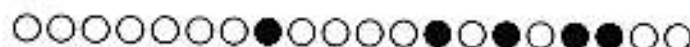
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cần Bả Chấm Thời 2

hai vòm bên

LE QUANG HIEN

$N_2 \sim V_0$ Nuclei Thru



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 001_DH14CD_10

Số Tín Ch 2

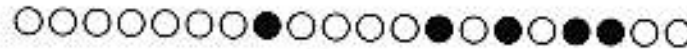
Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400A

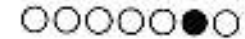
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D. Số 20%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14153005	Võ Đức Bày	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
2	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD	<i>[Signature]</i>	2	8,0	7,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	14153011	Châu Khánh Đạt	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	6,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
4	14153075	Đỗ Minh Đế	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	9,0	5,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
5	14153070	Mai Thạch Đà	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	14138014	Trần Quang Khái	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	8,0	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
7	14153022	Trần Tuấn Kiệt	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	7,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
8	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	7,0	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
9	14153030	Trần Lộc Minh	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
10	14153103	Nguyễn Đức Nam	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	6,0	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
11	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	6,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
12	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	9,0	8,0	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
13	14153119	Trần Trí Tân	DH14CD	<i>[Signature]</i>	1	8,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04268



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 001_DH14CD_10

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi PV400A

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D. Số 60 %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
14	14153060	Nguyễn Công	Tường	Tường	1	7,0	5,0	3,0	4,2	0012345678910	01345678910

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn


 Lê Văn Trung

Cán Bộ Chấm Thi 1


 LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2


 Ngô Văn Ngọc Thạc

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 002_DH14CD_10**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi **14/01/2016**

Phòng Thi **HD205**

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ	
1	14153004	Nguyễn Thanh Huy	Bảo	DH14CD		1	6,0	7,0	4,0	5,0	○01234●6789⑩	●123456789
2	14153019	Cao Bá	Kế	DH14CD		1	4,0	5,0	3,0	3,6	○012●456789⑩	012345●789
3	14153029	Hùng	Lục	DH14CD		1	6,0	5,0	2,5	3,7	○012●456789⑩	0123456●89
4	14153006	Dương Thanh	Ngân	DH14CD		1	3,0	7,0	2,0	3,2	○012●4○6789⑩	01●3456789
						1	7,0	5,0	4,0	4,8	○0123●56789⑩	01234567●89
6	13138232	Trần Hữu	Trọng	DH13TD		1	6,0	6,0	3,5	4,5	○0123●56789⑩	01234●6789
7	14153143	Nguyễn Thanh	Tùng	DH14CD		1	6,0	6,0	7,0	6,6	○012345●789⑩	012345●789
8	14153059	Phạm Ngọc	Tuyền	DH14CD		1	7,0	6,0	5,5	5,9	○01234●6789⑩	012345678●

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

8 / 8

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Nguyễn Ngọc Thanh

CB CT 1: *[Signature]*
CB CT 2: *[Signature]*

Phạm Quang Thắng
Lê Văn Hiền

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD 10-002 DH14CD 10

Số Tin Ch. 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi **HD205**

Lớp **CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trans 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344036	Nguyễn Thành Đạt	CD12CI		1	0,0	7,0	2,0	2,6	○●①●③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤●⑦⑧⑨
2	14153084	Lương Thiên Tài	DH14CD							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	14153094	Hứa Tiến Hưng	DH14CD		1	7,0	7,0	5,5	6,1	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	14153027	Nguyễn Phan Lợi	DH14CD		1	9,0	7,0	10,0	9,2	○①①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	14138064	Lê Đình Long	DH14TD		1	8,0	5,0	3,5	6,1	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	14153045	Vũ Xuân Quỳnh	DH14CD		1	7,0	7,0	6,0	6,4	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD		1	8,0	5,0	7,0	6,8	○①①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦●⑨
8	10137072	Nguyễn Thành Trung	DH10NL							●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày	Tháng	Năm
------	-------	-----

6/8

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đi về Ban

LÊ QUANG HIỀN

$N_{\tilde{g}} \sim V \cdot N_{\text{sp. Thr.}}$

CBCT

Chang

Phân Quang Thang

Сбс 2

Adrian

Họ và Tên: Trần Văn Tuấn

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Số Tín Ch. 2

Phỏng Thi HD205

Lớp **DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Trans 1

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Let $v \in \mathcal{D}_\infty$

LÊ QUANG HIỀN

Ng vs Ngc Thael

CBCT 1

Chang Pham Quang Thang

क्षेत्र २

Đã mua là Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm Kỹ thuật điện tử(207110) - DH14CD_10 - 002_DH14CD_10

Sổ Tin Ch 2

Ngày Thi 14/01/2016

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

Lớp **DI14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Lớp		DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)										
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ	
1	14153007	Phạm Hòa	Chính	DH14CD	<i>Chau</i>	1	7,0	6,0	3,5	4,7	001234567890	0123456789
2	14153008	Huỳnh Ngọc	Cường	DH14CD	<i>Cuong</i>	1	5,0	7,0	6,5	6,3	001234567890	0123456789
3	14153071	Thái Anh	Dũng	DH14CD	<i>Dung</i>	1	9,0	7,0	4,5	5,9	001234567890	0123456789
4	14153016	Trần Dương	Hoan	DH14CD	<i>Hoan</i>	1	9,0	8,0	8,5	8,5	001234567890	0123456789
5	14153096	Huỳnh Duy	Khánh	DH14CD	<i>K</i>	1	7,0	7,0	3,5	4,9	001234567890	0123456789
6	14153125	Lưu Đức	Thái	DH14CD	<i>Thoi</i>	1	7,0	8,0	3,0	4,2	001234567890	0123456789
7	14153133	Nguyễn Văn	Thuận	DH14CD	<i>T</i>	1	7,0	7,0	6,0	6,4	001234567890	0123456789
8	14153052	Phan Minh	Thuận	DH14CD	<i>P</i>	1	8,0	8,0	5,5	6,5	001234567890	0123456789
9	14153054	Đinh Ngọc	Trần	DH14CD	<i>Chn</i>	1	7,0	5,0	6,5	6,3	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Xác nhân của Bộ Môn

Cán Bộ Chăm Thai 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB CT 1: Chang Phạm Quang Thắng
CB CT 2: Khánh Lê Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GN_07 - 001_DH14GN_07

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD301

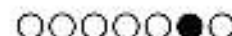
Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 10%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14115004	Lưu Thị Ngọc Anh	DH14GN	<i>Anh</i>		1	2	7	10	00123456789●	●123456789
2	14115426	Lê Tấn Anh	DH14GN	<i>Anh</i>		1	2	3	6	0012345●6789●	●123456789
3	14115283	Nguyễn Thị Anh	DH14GN	<i>Anh</i>		0.7	1.3	0.5	2.5	001●23456789●	01234●6789
4	14137008	Lê Đình Ba	DH14NL	<i>Ba</i>		0.5	✓	1.5	2	001●23456789●	●123456789
5	10138055	Nguyễn Lê Bằng	DH10TD	<i>Bang</i>		1	1	2	4	00123●456789●	●123456789
6	14115285	Nguyễn Phúc Bảo	DH14CB	<i>Bao</i>		0.3	1.7	4	6	0012345●6789●	●123456789
7	14115430	Phạm Huy Bình	DH14GN	<i>Binh</i>		0.7	1	2.5	4.2	00123●456789●	01●23456789
8	14153067	Nguyễn Khắc Bông	DH14CD	<i>Bong</i>		1	1.5	2	4.5	00123●456789●	01234●6789
9	14115431	Vũ Hy Hải Đăng	DH14GN			0.5	0.5	✓	✓	●00123456789●	0123456789
10	14115170	Nguyễn Thành Danh	DH14GN	<i>Danh</i>		0.3	1.8	1	3.1	00123●456789●	0●123456789
11	14115178	Ngô Ngọc Đức	DH14GN	<i>Duc</i>		1	2	3	6	0012345●6789●	●123456789
12	13138001	Hoàng Văn Dũng	DH13TD	<i>Dung</i>		0.7	2	6	8.7	001234567●89●	0123456●89
13	10153055	Đoàn Anh Duy	DH10CD			✓	✓	✓	✓	●00123456789●	0123456789
14	14115294	Nguyễn Thái Thanh Duy	DH14GN	<i>Duy</i>		0.7	2	5	7.7	00123456●789●	0123456●89
15	14153014	Hồ Đức Hải	DH14CD	<i>Hai</i>		0.7	1.5	3	5.2	001234●56789●	01●23456789



Mã nhận dạng 04163



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GN_07 - 001_DH14GN_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gồ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14115185	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	DH14GN		1	2	4.5	7.5	0012345678910	0123456789
17	14115029	Lê Thị	Hậu	DH14CB		1	1.5	2	4.5	0012345678910	0123456789
18	14115033	Bùi Minh	Hiền	DH14GN		1	1.5	1.5	4	0012345678910	0123456789
19	14137034	Võ Trọng	Hiền	DH14NL		-	-	0	0	0012345678910	0123456789
20	14115312	Lê Văn	Hiệp	DH14GN		-	1.5	0	1.5	0012345678910	0123456789
21	14115044	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	DH14GN		1	1.5	1.5	4	0012345678910	0123456789
22	14115045	Phạm Hồng	Huệ	DH14GN		0.5	1.5	2.5	2.5	0012345678910	0123456789
23	10169033	Trần Minh	Huy	DH10GN		0.7	2	1.5	4.2	0012345678910	0123456789
24	14115320	Phạm Hoài Khánh	Huyền	DH14GB		1	2	7	10	0012345678910	0123456789
25	13138091	Lâm Tấn	Kha	DH13TD		0.5	2	6.5	9	0012345678910	0123456789
26	13115055	Huỳnh Võ	Kiệt	DH13GB		1	2	5.5	8.5	0012345678910	0123456789
27	14115333	Phan Thúy	Loan	DH14GN		1	1.5	1.5	4	0012345678910	0123456789
28	14115066	Nguyễn Ngọc	Lợi	DH14GN		0.7	1.5	3	5.2	0012345678910	0123456789
29	14115067	Nguyễn Hữu	Luân	DH14GN		-	1.5	4.5	6	0012345678910	0123456789
30	14115068	Nguyễn Văn Chiêu	Luân	DH14GN		0.7	2	5	7.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04163



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GN_07 - 001_DH14GN_07

Số Tín Ch 2

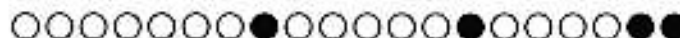
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14115070	Đoàn Thị Lựu	DH14GN	<i>Thị Lựu</i>		0.7	2	6.5	9.2	0012345678910	0123456789
32	14115077	Nguyễn Văn Nam	DH14GN	<i>Nam</i>		0.7	1.3	2	4	0012345678910	123456789
33	14115078	Nguyễn Thị Tuyết	DH14GN	<i>Thị Tuyết</i>		0.7	1	3.5	5.2	0012345678910	0123456789
34	14115204	Bùi Kim Hồng	DH14GN	<i>Bùi Kim Hồng</i>		1	2	3	6	0012345678910	123456789
35	14115084	Nguyễn Thị Bé	DH14CB	<i>Nguyễn Thị Bé</i>		0.7	1.5	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
36	14115215	Phạm Trần Trúc	DH14GN	<i>Phạm Trần Trúc</i>		0.5	1.5	3	5	0012345678910	123456789
37	14115217	Ngô Thị Hồng	DH14GB	<i>Ngô Thị Hồng</i>		0.5	1	0.5	2	0012345678910	123456789
38	13115319	Phạm Hoàng Phi	DH13GB	<i>Phạm Hoàng Phi</i>		0.5	1.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
39	14118221	Nguyễn Thanh Phương	DH14CK	<i>Nguyễn Thanh Phương</i>		0.7	1.3	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
40	14115097	Bùi Văn Quốc	DH14GN	<i>Bùi Văn Quốc</i>		1	1.5	6	8.5	0012345678910	0123456789
41	14115226	Nguyễn Thị Như Quỳnh	DH14GN	<i>Nguyễn Thị Như Quỳnh</i>		1	1.5	1.5	4	0012345678910	123456789
42	14137062	Nguyễn Ngọc Sơn	DH14NL	<i>Sơn</i>		0.5	1	0.5	2	0012345678910	123456789
43	14115228	Ngô Thị Thu Sương	DH14GN	<i>Ngô Thị Thu Sương</i>		0.5	2	5	7.5	0012345678910	0123456789
44	14115237	Nguyễn Hiền Thảo	DH14GN			0.5	1.3	—	—	0012345678910	0123456789
45	14115239	Phạm Thị Thu Thảo	DH14GN	<i>Phạm Thị Thu Thảo</i>		1	1	2	4	0012345678910	123456789



Mã nhận dạng 04163



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GN_07 - 001_DH14GN_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

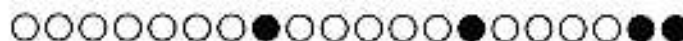
Phòng Thi HD301

Lớp

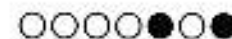
DH14GN (Thiết kế đồ gồ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14115387	Hồ Thị Ngọc	Thủy			0.7	1.5	2	4.2	0012345678910	0123' 56789
47	14115452	Nguyễn Dương Minh	Thủy			0.7	1.3	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
48	14115249	Phan Thị	Thủy			0.7	1.5	5.5	7.7	0012345678910	0123456789
49	14115385	Phan Thị Thu	Thủy			0.7	1.3	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
50	14115253	Lê Văn	Tĩnh			0.5	1.5	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
51	14115440	Lê Thị Mai	Trâm			0.5	1.5	3	5	0012345678910	0123456789
52	14115138	Trần Thị Thu	Trang			0.7	1.5	4	6.2	0012345678910	0123456789
53	14115142	Huỳnh Ngọc Công	Trí			1	2	7	10	0012345678910	0123456789
54	14115260	Trần Thị Lệ	Trình			0.5	1.5	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
55	14115400	Hồ Diễm	Trình			0.7	1.5	2.5	4.7	0012345678910	0123456789
56	14115262	Trần Hà Đình	Trọng			0.3	1.8	2	4.1	0012345678910	0123456789
57	10137072	Nguyễn Thành	Trung			/	/	/	/	0012345678910	0123456789
58	14115263	Lê Anh	Trung			0.5	1	0.5	2	0012345678910	0123456789
59	14118087	Nguyễn Minh	Tuấn			0.7	1.5	3	5.2	0012345678910	0123456789
60	14115412	Võ Thị Thanh	Tuyền			0.5	1.5	1	3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04163



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14GN_07 - 001_DH14GN_07

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD301

Lớp DH14GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14115418	Đặng Trọng Quốc	Việt	DH14GN		0.5	1	1.5	3	0012345678910	0123456789
62	14118309	Bùi Thanh	Vinh	DH14CK		0.5	2	5.5	8	0012345678910	0123456789
63	14115270	Nguyễn Văn	Vui	DH14GN		1	1.5	1.5	4	0012345678910	0123456789
64	14115446	Nguyễn Thị Ngọc	Xinh	DH14GN		0.5	1	2.5	4	0012345678910	0123456789
65	14115276	Lê Ngọc Thảo	Yên	DH14GN		0.7	1.8	1.5	4	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

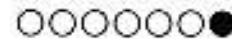
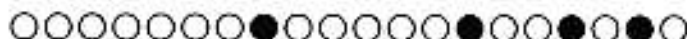
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

NBCT1

NBCT2

Ngô Võ Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm **Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08**

Số Tín Ch 2

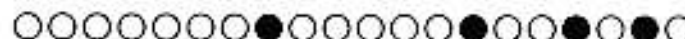
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

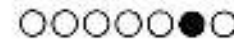
Lớp **DH14CK (Cơ khí nông lâm)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	D.Số 70	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118103	Nguyễn Hoài Bảo	DH14CK			0.5	2	2.5	5	001234567890	0123456789
2	14137009	Hồ Thế Bảo	DH14NL			0.5	1	0.5	2	001234567890	0123456789
3	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			0.8	1.7	1.5	4	001234567890	0123456789
4	14118009	Nguyễn Minh Chiến	DH14CC			0.7	2	2.5	5.2	001234567890	0123456789
5	14118123	Nguyễn Ngọc Cường	DH14CK			0.3	2	1	3.3	001234567890	0123456789
6	14118134	Nguyễn Văn Đại	DH14CK			0.7	1.5	3.5	5.7	001234567890	0123456789
7	14154079	Nguyễn Thị Bích Dân	DH14OT			1	2	6.5	9.5	001234567890	0123456789
8	14118136	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			0.7	2	2.5	5.2	001234567890	0123456789
9	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			0.5	1	4	5.5	001234567890	0123456789
10	14137026	Đào Minh Đạt	DH14NL			0.7	1.8	1.5	4	001234567890	0123456789
11	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT			0.3	1.5	0.5	2.3	001234567890	0123456789
12	14118017	Nguyễn Thanh Điền	DH14CK			0.5	2	2.5	5	001234567890	0123456789
13	14137028	Nguyễn Văn Đông	DH14NL			0.5	1.5	1	3	001234567890	0123456789
14	14118013	Bùi Tấn Dương	DH14CK			0.7	1.3	2	4	001234567890	0123456789
15	14137016	Trần Thanh Duy	DH14NL			0.5	0.5	2	3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04170



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

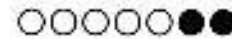
Lớp DH14NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14137017	Châu Văn Duyệt	DH14NL			0.3	2	6	8.3	00123456789	0123456789
17	14154090	Hồ Thanh Hải	DH14OT			0.5	2	1	3.5	00123456789	0123456789
18	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH14OT			0.3	1.7	2	4	00123456789	0123456789
19	14137031	Nguyễn Trần Nhật	DH14NL				1			00123456789	0123456789
20	14137032	Đặng Hoàng	DH14NL			0.5	1.7	1	3.2	00123456789	0123456789
21	14118025	Lê Quang	DH14CK			0.8	1.7	1.5	4	00123456789	0123456789
22	14118159	Phạm Tấn Hiệp	DH14CK			0.5	2	3	5.5	00123456789	0123456789
23	14153015	Đặng Đình	DH14CD			0.5	1.5	1	3	00123456789	0123456789
24	14137036	Nguyễn Hồng	DH14NL			0.3	1.7	4.5	6.5	00123456789	0123456789
25	14137037	Nguyễn Thanh	DH14NL				0.5	1	1.5	00123456789	0123456789
26	14154020	Vũ Anh	DH14OT			0.5	1.5	3.5	5.5	00123456789	0123456789
27	14154097	Hoàng Văn	DH14OT			0.8	1.7	4.5	7	00123456789	0123456789
28	14154021	Nông Quốc	DH14OT			0.3	1.7	0.5	2.5	00123456789	0123456789
29	14118027	Nguyễn Đại	DH14CK			0.5	1.7	2	4.2	00123456789	0123456789
30	14154104	Huỳnh Văn	DH14OT			0.3	1	3	4.3	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 04170



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08

Số Tín Ch 2

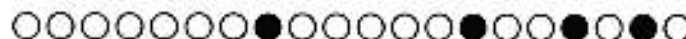
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

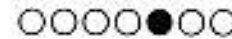
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118031	Nguyễn Trường Huy	DH14CC			0.3	2	2	4.3	0012345678910	0123456789
32	14137042	Ngô Thị Ngọc Huyền	DH14NL			0.5	2	3.5	6	0012345678910	0123456789
33	14118179	Nguyễn Ngọc Kha	DH14CK				1.3			0012345678910	0123456789
34	14137045	Nguyễn Quốc Khanh	DH14NL			1	1	2	4	0012345678910	0123456789
35	14137046	Nguyễn Nhật Khoa	DH14NL			0.3	1.3	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
36	14118188	Trần Nguyễn Phương Khôi	DH14CK			0.3	1.5	1.5	3.3	0012345678910	0123456789
37	14118191	Trần Hoài Linh	DH14CK			0.5	0.5	4	5	0012345678910	0123456789
38	14137048	Lê Thế Lực	DH14NL			0.7	2	7	9.7	0012345678910	0123456789
39	14154036	Hà Thế Lượng	DH14OT			1	2	3	6	0012345678910	0123456789
40	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL			0.7	1.3	1	3	0012345678910	0123456789
41	14154037	Hoàng Văn Nam	DH14OT			0.7	1.3	3	5	0012345678910	0123456789
42	14118042	Nguyễn Trung Nguyên	DH14CK			0.8	1.7	4.5	7	0012345678910	0123456789
43	14137051	Nguyễn Hữu Nhật	DH14NL			0.3	0.5	1.5	2.3	0012345678910	0123456789
44	14137053	Lê Minh Nhật	DH14NL			0.7	1.3	2	4	0012345678910	0123456789
45	14118214	Nguyễn Xuân Phái	DH14CK				1.3	1.5	2.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04170



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

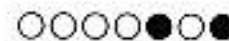
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	14154133	Trương Thái Phi	DH14OT			0.7	0.5	3	4.2	0012345678910	0123456789
47	14115450	Lê Thanh Phong	DH14CB			0.3	0.5	2	2.8	0012345678910	0123456789
48	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK			0.7	2	3.5	6.2	0012345678910	0123456789
49	14118217	Đỗ Thanh Phong	DH14CK			0.7	1.3	2	4	0012345678910	0123456789
50	14118218	Phạm Thanh Phong	DH14CK			0.8	1.7	3.5	6	0012345678910	0123456789
51	14118219	Trần Nguyễn Hoàng Phú	DH14CC			0.7	1.5	6	8.2	0012345678910	0123456789
52	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			0.5	2	1.5	4	0012345678910	0123456789
53	14137056	Trần Minh Quang	DH14NL			0.5	1	2.5	4	0012345678910	0123456789
54	14118237	Trần Quốc Sang	DH14CC			0.5	1	1	2.5	0012345678910	0123456789
55	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL			1	1.7	2	4.7	0012345678910	0123456789
56	14137065	Nguyễn Minh Tài	DH14NL			0.5	0.5	2	3	0012345678910	0123456789
57	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			1	2	3	6	0012345678910	0123456789
58	14153123	Đỗ Hồng Thái	DH14CD			1	2	4	6	0012345678910	0123456789
59	14137071	Đỗ Việt Thắng	DH14NL			0.5	1	0.5	2	0012345678910	0123456789
60	14154052	Lê Cao Thắng	DH14OT			0.7	2	5.5	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04170



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			0.5	1.3	0.5	2.3	0012345678910	0123456789
62	14137070	Trần Văn Thành	DH14NL			0.3	1.7	2	4	0012345678910	0123456789
63	14137005	Nguyễn Hữu Thế	DH14NL			0.3	1.7	2	4	0012345678910	0123456789
64	14118067	Nguyễn Kiều Minh	DH14CK			1	0.5	0.5	2	0012345678910	0123456789
65	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			0.7	0.5	2	3.2	0012345678910	0123456789
66	14118266	Phan Minh Thọ	DH14CK			0.5	1.5	3.5	5.5	0012345678910	0123456789
67	14118272	Phạm Đình Thuận	DH14CK							0012345678910	0123456789
68	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			0.5	0.5	6	7	0012345678910	0123456789
69	14118083	Trương Minh Trí	DH14CK			0.5	1.7	4.5	6.7	0012345678910	0123456789
70	14118283	Lê Đức Trọng	DH14CK			0.7	1.5	3.5	5.7	0012345678910	0123456789
71	14137085	Đinh Thành Trọng	DH14NL				1.7	1	2.7	0012345678910	0123456789
72	14115454	Hồ Hoàng Trung	DH14CB			0.3	0.5	1.5	2.3	0012345678910	0123456789
73	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK				1.7	1.5	3.2	0012345678910	0123456789
74	14115406	Nguyễn Văn Trường	DH14GN			1	2	7	10	0012345678910	0123456789
75	14137088	Huỳnh Văn Trường	DH14NL			0.5	2	2.5	5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04170



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14NL_08 - 001_DH14NL_08

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV201

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
76	14154063	Vũ Đình Trường	DH14OT			0.5	2	2	4.5	001234567890	0123456789
77	14137006	Triệu Kim Tú	DH14NL			0.5	2	2	4.5	001234567890	0123456789
78	14118088	Hồ Hoàng Tuấn	DH14CK			0.7	2	5.5	8.2	001234567890	0123456789
79	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			0.5	1.5	2	4	001234567890	0123456789
80	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK				2	1.5	3.5	001234567890	0123456789
81	14137091	Phạm Đức Tuyển	DH14NL			0.5	1.5	1	3	001234567890	0123456789
82	14153059	Phạm Ngọc Tuyển	DH14CD			0.7	2	6	8.7	001234567890	0123456789
83	14137095	Trương Thế Vinh	DH14NL			0.5	2	2.5	5	001234567890	0123456789
84	14137097	Lê Hoàng Vũ	DH14NL			0.5	1.5	0.5	2.5	001234567890	0123456789
85	14137099	Trương Quốc Vương	DH14NL			1	1.7	3	5.7	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD303

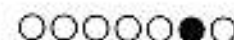
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT	Anh			3	1	4	0012345678910	0123456789
2	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT	Bao			2.5	0.5	3	0012345678910	0123456789
3	14154073	Lê Kim Chiến	DH14OT		✓		-	-	-	0012345678910	0123456789
4	14154007	Nguyễn Thành Công	DH14OT	Con			3	6.5	9.5	0012345678910	0123456789
5	14118122	Nguyễn Cường	DH14CK	Cuong			3	3	6	0012345678910	0123456789
6	14154010	Nguyễn Văn Dân	DH14OT	Dan			3	1	4	0012345678910	0123456789
7	14118016	Phạm Tấn Đạt	DH14CK	Phu			3	2	5	0012345678910	0123456789
8	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT	Phat			2.5	1	3.5	0012345678910	0123456789
9	14154080	Nguyễn Hoàng Diễm	DH14OT		✓		2	-	-	0012345678910	0123456789
10	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT	Doan			2.3	2.5	4.8	0012345678910	0123456789
11	14153071	Thái Anh Dũng	DH14CD	Dung			2.3	1	3.3	0012345678910	0123456789
12	14137024	Nguyễn Đức Dương	DH14NL	Duc			2.5	3.5	6	0012345678910	0123456789
13	14118148	Cao Thanh Giang	DH14CC	Giang			2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789
14	14154093	Trương Bửu Hiệp	DH14OT	Hiep			3	6	9	0012345678910	0123456789
15	14118166	Vũ Văn Hòa	DH14CK	Hoa			2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04173



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tin Ch 2

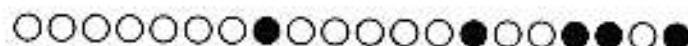
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD303

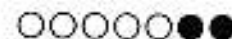
Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14154098	Lê Thái Hòa	DH14OT				2	25	4.5	0012345678910	0123456789
17	14153088	Nguyễn Văn Hoàng	DH14CD				25	4	6.5	0012345678910	0123456789
18	14154094	Trần Thanh Hoàng	DH14OT				3	2	5	0012345678910	0123456789
19	14118178	Trần Ngọc Hưng	DH14CC				3	7	10	0012345678910	0123456789
20	14154025	Nguyễn Phúc Hưng	DH14OT				3	6	9	0012345678910	0123456789
21	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH14OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
22	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC				3	1	4	0012345678910	0123456789
23	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT				3	2	5	0012345678910	0123456789
24	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH14OT				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
25	14154102	Nguyễn Đình Huy	DH14OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
26	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT				3	2	5	0012345678910	0123456789
27	14154112	Nguyễn Hoàng Khương	DH14OT				3	4	7	0012345678910	0123456789
28	14154028	Dặng Tuấn Kiệt	DH14OT				3	3	6	0012345678910	0123456789
29	14115436	Trần Thị Lệ	DH14GN				3	3	6	0012345678910	0123456789
30	14153102	Hồ Bảo Lộc	DH14CD				3	25	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04173



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD303

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT				2.5	2	4.5	0012345678910	0123456789
32	14154034	Đỗ Trọng	DH14OT				2.5	0	2.5	0012345678910	0123456789
33	14154032	Nguyễn Văn Hoàng	DH14OT		V		2	1	1	0012345678910	0123456789
34	14137003	Nguyễn Tấn	DH14NL				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
35	14154119	Nguyễn Văn	DH14OT				3	4	7	0012345678910	0123456789
36	14154038	Võ Văn	DH14OT		V		1	1	1	0012345678910	0123456789
37	14118206	Lê Từ	DH14CC				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
38	14118044	Cao Hữu	DH14CK				2.5	0.5	3	0012345678910	0123456789
39	14118045	Trần Trọng	DH14CC				2.3	3	5.3	0012345678910	0123456789
40	14154039	Nguyễn Hoài	DH14OT				3	4	7	0012345678910	0123456789
41	14154127	Nguyễn Văn	DH14OT				2.5	4.5	7	0012345678910	0123456789
42	14154130	Vương	DH14OT				2.5	1.5	4	0012345678910	0123456789
43	14118215	Võ Tấn	DH14CC				3	4.5	7.5	0012345678910	0123456789
44	14154131	Nguyễn Tấn	DH14OT				3	7	10	0012345678910	0123456789
45	14118052	Châu Hoàng	DH14CK				2.5	2.5	5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04173



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD303

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14118232	Lê Văn Nhật	Quang	DH14CC			2.5	0	2.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	14154137	Đỗ Tiến	Quỳnh	DH14OT			3	4.5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	14118062	Đỗ Văn	Tàu	DH14CK			3	3	6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14153129	Phạm Hoàng	Thân	DH14CD			2.5	2	4.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
50	14154053	Võ Hoàng	Thắng	DH14OT			1.5	1	2.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14137073	Nguyễn Thanh	Thế	DH14NL			3	2	5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	14137080	Nguyễn Ngọc	Thuận	DH14NL			3	5	8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
53	14153052	Phan Minh	Thuận	DH14CD			2.5	3.5	6	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	14153134	Nguyễn Thanh	Thuận	DH14CD			2	2.5	4.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
55	14118074	Phạm Đình	Tiến	DH14CC			2.5	4	6.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	14118076	Nguyễn Văn	Toán	DH14CC			2.5	2	4.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	14118077	Nguyễn Vĩnh	Tôi	DH14CC		✓	3	✓	✓	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	14118078	Nguyễn Công	Trang	DH14CC			2.5	5	7.5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	13115438	Dương Thị Hồng	Trình	DH13GB			1.5	1.5	3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	14118080	Cao Văn	Trình	DH14CC			3	5	8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04173



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_09 - 001_DH14OT_09

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi HD303

Lớp DH14OT (Công nghệ kỹ thuật ô tô)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
61	14154062	Nguyễn Thế Trọng	DH14OT	<i>Trọng</i>			2.5	1.5	4	0012345678910	1123456789
62	14153139	Lê Văn Trường	DH14CD	<i>Trường</i>			3	2	5	0012345678910	1123456789
63	13115464	Đỗ Thị Minh	DH13GB	<i>Th</i>			3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789
64	14118296	Nguyễn Duy Tuấn	DH14CC	<i>Duy</i>			2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789
65	14153140	Nguyễn Mạnh Tuấn	DH14CD	<i>Mạnh</i>			2	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
66	14137093	Trần Bá Tùng	DH14NL	<i>Tùng</i>			2.5	3	5.5	0012345678910	0123456789
67	14153143	Nguyễn Thanh Tùng	DH14CD	<i>Thanh</i>			2.5	1.5	4	0012345678910	1123456789
68	13153027	Đào Hoàng Vinh	DH13CD	<i>Vinh</i>			2	7	9	0012345678910	1123456789
69	14118310	Trần Hữu Vinh	DH14CC	<i>Vinh</i>			2.5	4	6.5	0012345678910	0123456789
70	14118094	Lê Minh Võ	DH14CC	<i>Minh</i>			2.5	3.5	6	0012345678910	1123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 65/70

Xác nhận của Bộ Môn

hl
Nguyễn Duy

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Duy
Nguyễn Duy

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

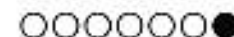
Phạm Minh Hiền

CBCT 2

Nguyễn Mạnh Dũng

CBCT 3

Cao Đình Lư



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tin Ch: 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

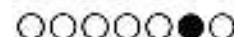
Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138027	Lương Thế Anh	DH12TD			0.5	2	3.5	6	001234567890	0123456789
2	14118002	Lê Văn Thế Anh	DH14CC			0.7	1.5	3.5	5.7	001234567890	0123456789
3	14154067	Đỗ Đức Anh	DH14OT			0.5	1.5	2.5	4.5	001234567890	0123456789
4	14154005	Nông Chi Bảo	DH14OT			0.3	1.8	2.5	4.6	001234567890	0123456789
5	14153007	Phạm Hòa Chính	DH14CD			0.7	1.5	1	3.2	001234567890	0123456789
6	14118118	Phạm Đức Công	DH14CC			0.7	1.5	4	6.2	001234567890	0123456789
7	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT			1	2	0	3	001234567890	0123456789
8	14118014	Nguyễn Bảo Đàm	DH14CC			0.7	1.5	5.5	7.7	001234567890	0123456789
9	12115236	Huỳnh Văn Đạt	DH12GN			-	2	4	6	001234567890	0123456789
10	12153048	Trần Văn Đạt	DH12CD			-	-	0	0	001234567890	0123456789
11	14115015	Nguyễn Thị Thùy Dung	DH14CB			0.7	2	3	5.7	001234567890	0123456789
12	14115020	Trần Duy Dương	DH14CB			-	1.5	0.5	2	001234567890	0123456789
13	14118011	Nguyễn Anh Duy	DH14CC			0.7	2	4.5	7.2	001234567890	0123456789
14	14118012	Phạm Đăng Duy	DH14CC			0.7	1.5	1	3.2	001234567890	0123456789
15	14115019	Nguyễn Thị Thanh Duyên	DH14CB			0.5	1.5	-	-	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04254



Trang 2/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

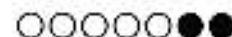
Lớp DH12CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12115287	Trần Thị Thu Hải	DH12CB			/	/	/	/	001234567890	0123456789
17	12118033	Đỗ Văn	DH12CC			0.7	1.5	3	5.2	001234567890	0123456789
18	14118154	Lê Doãn	DH14CC			1	1.8	7	9.8	001234567890	0123456789
19	14137002	Lê Nguyễn Việt	DH14NL			0.5	1	0.5	2	001234567890	0123456789
20	14154018	Trần Bá	DH14OT			0.7	1.5	3.5	5.7	001234567890	0123456789
21	12154092	Nguyễn Đức	DH12OT			0.5	/	/	/	001234567890	0123456789
22	13115033	Vũ Thị	DH13CB			0.7	1.5	4	6.2	001234567890	0123456789
23	14115186	Trần Văn	DH14CB			1	2	2	5	001234567890	0123456789
24	12153175	Lưu Gia	DH12CD			/	0.5	3.5	4	001234567890	0123456789
25	14154022	Nguyễn Khánh	DH14OT			0.7	1.5	2.5	4.7	001234567890	0123456789
26	14154107	Quách Nguyễn Thành	DH14OT			0.7	2	5.5	8.2	001234567890	0123456789
27	14118181	Phạm Duy	DH14CC			0.5	1.5	3.5	5.5	001234567890	0123456789
28	12154143	Lưu Tấn	DH12OT			1	1.5	1	3.5	001234567890	0123456789
29	14115424	Trần Văn	DH14CB			0.7	1.5	1	3.2	001234567890	0123456789
30	14153021	Mai Thế	DH14CD			0.7	2	6.7	9.4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04254



Trang 3/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

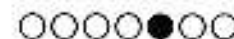
Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14115059	Dương Thị Thanh Lam	DH14CB	Lam		1	2	3.5	6.5	001234567890	0123456789
32	14153025	Phạm Thanh Lâm	DH14CD	Pham		1	1.5	4	6.5	001234567890	0123456789
33	13115256	Triệu Thị Liên	DH13GB	Tran		0.3	1.5	6	7.8	001234567890	0123456789
34	14154030	Đỗ Đức Linh	DH14OT	Do		0.3	1	1.5	2.8	001234567890	0123456789
35	12138066	Đặng Tiểu Long	DH12TD	Long		0.7	2	4.5	7.2	001234567890	0123456789
36	11154045	Chu Đức Minh	DH11OT	Chu		1	1	3.5	4.5	001234567890	0123456789
37	13154035	Châu Vĩnh Minh	DH13OT	Chau		0.3	1.8	6.7	8.8	001234567890	0123456789
38	14115076	Trần My	DH14CB	Tran		0.5	2	2	4.5	001234567890	0123456789
39	14153038	Lưu Thế Nhân	DH14CD	Luu		0.3	1.5	4	5.8	001234567890	0123456789
40	14118046	Nguyễn Phúc Bảo Nhi	DH14CC	Nguyen		0.7	1.5	1	3.2	001234567890	0123456789
41	14115091	Ngô Thị Quỳnh Như	DH14CB	Nguyen		0.5	1.5	3	5	001234567890	0123456789
42	12344100	Phạm Quỳnh Ninh	CD12CI	Pham		0.5	1.5	1	1	001234567890	0123456789
43	14115093	Lê Thị Kim Oanh	DH14CB	Le		0.5	2	4.5	7	001234567890	0123456789
44	12344102	Dương Quốc Pháp	CD12CI	Duong		1	2	2.5	4.5	001234567890	0123456789
45	12344186	Huỳnh Duy Phát	CD12CI	Huynh		0.7	1.8	2.5	5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04254



Trang 4/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ I - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

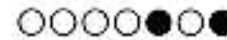
Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	12344185	Nguyễn Thanh Phong	CD12CI	<i>Phong</i>		0.5	1.5	3	5	001234567890	0123456789
47	12115214	Nguyễn Đức Phú	DH12CB	<i>ĐP</i>		-	1.5	3.5	5	001234567890	0123456789
48	12344105	Bùi Văn Phú	CD12CI	<i>BV</i>		-	1.5	0.5	2	001234567890	0123456789
49	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD	<i>HV</i>		0.5	1.8	6.8	9.1	001234567890	0123456789
50	14115358	Vân Thị Thủy	DH14CB	<i>VT</i>		0.7	1	2.5	4.2	001234567890	0123456789
51	14118222	Nguyễn Thành Phương	DH14CC	<i>NT</i>		0.5	2	2.5	5	001234567890	0123456789
52	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT	<i>NT</i>		1	2	8.5	8.5	001234567890	0123456789
53	14118231	Lê Đình Đăng	DH14CK			-	-	-	-	001234567890	0123456789
54	14118059	Lê Văn Quyền	DH14CC	<i>LQ</i>		0.5	1.5	4.5	6.5	001234567890	0123456789
55	14118238	Trương Tuấn Sang	DH14CC	<i>TS</i>		1	2	7	10	001234567890	0123456789
56	14154047	Nguyễn Quốc Sự	DH14OT	<i>NS</i>		0.7	1.8	1.5	4	001234567890	0123456789
57	14153117	Phạm Quốc Sỹ	DH14CD	<i>PS</i>		0.5	2	5	7.5	001234567890	0123456789
58	14154139	Lê Tấn Tài	DH14OT	<i>LT</i>		0.5	1.5	2	4	001234567890	0123456789
59	11154017	Dương Nguyễn Khánh Tân	DH11OT	<i>DN</i>		0.5	1.5	4	6	001234567890	0123456789
60	14118254	Nguyễn Hữu Thái	DH14CC	<i>NH</i>		0.7	1.8	5.5	8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04254



Trang 5/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tin Ch: 2

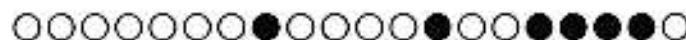
Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

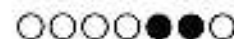
Lớp CD11CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	11344036	Đỗ Văn Thắng	CD11CI	<i>Đỗ Văn Thắng</i>		1	1.5	1.5	4	001234567890	0123456789
62	12153144	Lưu Thế Thắng	DH12CD	<i>Lưu Thế Thắng</i>		1	1	2	2	001234567890	0123456789
63	14115235	Phan Trung Thanh	DH14CB	<i>Phan Trung Thanh</i>		0.8	2	4.5	7.2	001234567890	0123456789
64	12153138	Đoàn Văn Thành	DH12CD	<i>Đoàn Văn Thành</i>		1	1	4	5	001234567890	0123456789
65	14115115	Nguyễn Tân Thành	DH14CB	<i>Nguyễn Tân Thành</i>		1	1.5	1.5	4	001234567890	0123456789
66	13115386	Nguyễn Thị Thanh	DH13CB	<i>Nguyễn Thị Thanh</i>		0.7	1.8	5.5	8	001234567890	0123456789
67	14115238	Nguyễn Xuân Hoàng	DH14GN	<i>Nguyễn Xuân Hoàng</i>		0.5	1.8	1	3.3	001234567890	0123456789
68	13154055	Trương Ngọc Thiện	DH13OT	<i>Trương Ngọc Thiện</i>		0.5	1.5	2	4	001234567890	0123456789
69	12153146	Nguyễn Lý Thời	DH12CD	<i>Nguyễn Lý Thời</i>		1	1	0	0	001234567890	0123456789
70	12344126	Vô Thơm	CD12CI			1	1	1	1	001234567890	0123456789
71	13153224	Lê Tự Quốc Thông	DH13CD	<i>Lê Tự Quốc Thông</i>		0.5	1.5	6.5	8.5	001234567890	0123456789
72	14118268	Nguyễn Nhật Thông	DH14CK	<i>Nguyễn Nhật Thông</i>		0.5	0.8	1	3.3	001234567890	0123456789
73	12344128	Võ Minh Thuận	CD12CI	<i>Võ Minh Thuận</i>		1	1.5	1	2.5	001234567890	0123456789
74	14154058	Lê Đình Thuận	DH14OT	<i>Lê Đình Thuận</i>		1	2	6.5	9.5	001234567890	0123456789
75	14118274	Trần Văn Thương	DH14CC	<i>Trần Văn Thương</i>		0.7	1.5	6	8.2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04254



Trang 6/6

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Nguyên lý máy(207111) - DH14OT_10 - 001_DH14OT_10

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 20/01/2016

Phòng Thi TV303

Lớp DH14CB (Chế biến lâm sản)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
76	14115137	Dương Xuân Tôn	DH14CB	Tôn		✓	2	0.5	2.5	0012345678910	0123456789
77	14115397	Ngô Thị Bích Trâm	DH14CB	Trâm		0.8	1.8	1.5	4	0012345678910	0123456789
78	12115100	Nguyễn Xuân Tri	DH12CB	Tri		✓	1.5	3	4.5	0012345678910	0123456789
79	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI	Triều		0.5	1.5	1	3	0012345678910	0123456789
80	14118092	Nguyễn Hoàng Anh Tú	DH14CC	Tú		0.5	1.8	1	3.3	0012345678910	0123456789
81	14118319	Lê Anh Tuấn	DH14CC	Tuấn		0.8	1.8	1.5	4	0012345678910	0123456789
82	14154156	Trần Hữu Tuấn	DH14OT	Tuấn		0.5	2	6.5	9	0012345678910	0123456789
83	12344151	Trần Mạnh Tường	CD12CI	Tường		1	2	3	6	0012345678910	0123456789
84	14115273	Nguyễn Thị Vy	DH14CB	Vy		1	1	2	4	0012345678910	0123456789
85	14137100	Huỳnh Nhật	DH14NL	Đức		✓	1	0.5	1.5	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CB GT 1

CB GT 2

CB GT 3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Hệ thống điều khiển linh hoạt(207507) - DH12TD_01 - 001_D**

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016

Phòng Thi HD305

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 30%	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138025	Phạm Thanh Bình	DH12TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138034	Nguyễn Đình Hoàng	DH12TD	<i>Vinh</i>		8,0		6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	12138053	Vũ Quang	DH12TD	<i>Hùng</i>		8,0		6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
4	12138072	Dương Văn	DH12TD	<i>Quang</i>		9,0		10,0	9,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
5	12138075	Nguyễn Huy	DH12TD	<i>Minh</i>		8,0		5,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
6	12138122	Nguyễn Thanh Mỹ	DH12TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12138103	Phạm Văn	DH12TD	<i>Trương</i>		8,0		6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
8	12138134	Vũ Đình	DH12TD	<i>Trương</i>		8,0		6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
9	12138007	Vũ Quốc	DH12TD	<i>Vinh</i>		8,0		6,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

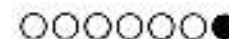
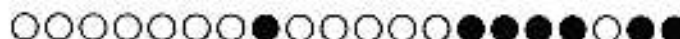
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trần Lê Quang Hiền

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Ngọc Trâm



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Hệ thống điều khiển linh hoạt(207507) - DH12TD_01 - 001_D**

Số Tín Ch 2

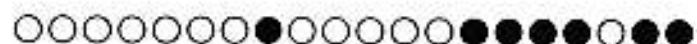
Ngày Thi **13/01/2016**

Phòng Thi **HD305**

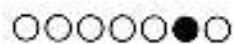
Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	Đ. Số 70%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138009	Ngô Hoàng Anh	DH12TD			7,0		6,0	6,3	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12138010	Trần Đức Anh	DH12TD			9,0		8,5	8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	12138115	Bùi Văn Bảo	DH12TD			9,0		7,5	8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12138017	Trần Đức Bảo	DH12TD			9,0		9,0	9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12138001	Nguyễn Trường Chinh	DH12TD			7,0		6,0	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12138035	Phan Tiến Đạt	DH12TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12138068	Lê Hoàng Đứ	DH12TD			8,0		7,0	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12138117	Nguyễn Văn Hào	DH12TD			9,0		6,5	7,0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12138047	Dương Văn Hoàn	DH12TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12138098	Phan Huy Hoàng	DH12TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD			7,0		5,0	5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	12138058	Nguyễn Xuân Khả	DH12TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12138062	Tăng Võ Lâm	DH12TD			9,0		8,0	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12138004	Huỳnh Quỳnh	DH12TD			9,0		8,0	8,3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
15	12138093	Nguyễn Minh Tâm	DH12TD							●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04219



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Hệ thống điều khiển linh hoạt(207507) - DH12TD_01 - 001_D Số Tín Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016 Phòng Thi HD305

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138111	Ngô Văn Viễn	DH12TD	Viễn		9,0		8,0	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138006	Nguyễn Hoàng Việt	DH12TD	Việt		7,0		6,0	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138008	Trần Lê Tuấn Vũ	DH12TD	Trần		9,0		6,0	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10138053	Nguyễn Văn Vương	DH12TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Lô Văn Đan

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Ngọc Thước

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt(207507) - DH12TD_01 - 001_D Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016 Phòng Thi HD305

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	D. Số 76%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138042	Hoàng Phi Hùng	DH12TD			9,0		10,0	9,7	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	12138131	Lê Quang Ngọc	DH12TD			8,0		5,5	6,3	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn


Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1


LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Võ Ngọc Thanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Hệ thống điều khiển linh hoạt(207507) - DH12TD 01 - 001 D Số Tin Ch 2

Ngày Thi 13/01/2016 Phòng Thi HD305

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138002	Lê Đức Duy	DH12TD			9,0		7,0	7,6	00123456●890	012345●789
2	12138123	Nguyễn Tấn Nghiêm	DH12TD			8,0		5,5	6,3	0012345●7890	012●456789
3	12138091	Lê Việt Sơn	DH12TD			8,0		6,0	6,6	0012345●7890	012345●789
4	12138104	Phạm Văn Tuấn	DH12TD			9,0		6,0	6,9	0012345●7890	012345678●

Ngày in : 04/01/2016

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Xác nhận của Bộ Môn

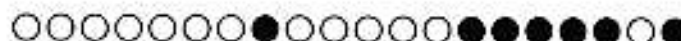
Cán Bộ Chăm Thủ 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đoàn Văn Bền

LÊ QUANG HIỀN

Nguyễn Văn Ngọc Phấn



054

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02**

Số Tín Ch 3

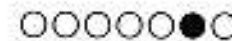
Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138029	Ngô Thế Chung	DH13TD		1	5,0	7,0	6,5	6,3	001234567890	0123456789
2	13153077	Trương Công Định	DH13CD		1	5,5	0,0	3,5	3,2	001234567890	0123456789
3	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD		1	0,0	6,0	4,0	3,6	001234567890	0123456789
4	13138051	Ngô Lộc Trường	DH13TD		1	3,0	8,0	4,5	3,1	001234567890	0123456789
5	13138054	Tổng Thị Thu	DH13TD		1	8,0	7,0	7,0	7,2	001234567890	0123456789
6	13138067	Nguyễn Trung Hậu	DH13TD		1	8,0	6,0	7,5	7,3	001234567890	0123456789
7	13138080	Huỳnh Lê Phúc	DH13TD		1	3,0	7,5	3,0	3,9	001234567890	0123456789
8	13153110	Doãn Đức	DH13CD		1	3,0	7,0	4,5	4,8	001234567890	0123456789
9	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang	DH13CD		1	5,5	6,0	3,5	4,4	001234567890	0123456789
10	13153136	Nguyễn Nhật King	DH13CD		1	4,5	5,0	4,5	4,6	001234567890	0123456789
11	13153147	Võ Thành Luân	DH13CD		1	5,0	8,0	4,5	5,3	001234567890	0123456789
12	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD		1	6,0	7,0	3,0	4,4	001234567890	0123456789
13	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD		1	3,0	7,5	2,5	3,6	001234567890	0123456789
14	13138140	Lê Thị Huỳnh Như	DH13TD		1	7,5	8,0	7,5	7,6	001234567890	0123456789
15	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD		1	3,0	6,0	3,0	3,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04221

Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	3,5	6,0	3,0	3,7	001234567890	0123456789
17	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	4,0	7,5	4,5	5,0	001234567890	0123456789
18	13138201	Văn Thiên Thắng	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	4,5	7,0	2,0	3,5	001234567890	0123456789
19	13138211	Tổng Trần Thống	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	7,0	7,5	4,0	5,3	001234567890	0123456789
20	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	7,5	6,0	5,5	6,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Lê Văn Tâm

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Nguyễn Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD 02 - 001 DH13TD 02

Số Tin Ch. 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phóng Thi RD200

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

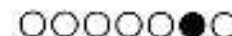
Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 30%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13138030	Trần Huy	Chương	DH13TD		1	2,0	3,0	2,0	3,4	00012345678910	00123456789
2	13138033	Dương Minh	Cương	DH13TD		1	3,0	7,5	4,0	4,5	00012345678910	00123456789
3	13138061	Trần Minh	Hải	DH13TD		1	5,0	3,0	3,5	4,5	00012345678910	00123456789
4	13138094	Phạm Duy	Khánh	DH13TD							00012345678910	00123456789
5	13138108	Lê Quang	Linh	DH13TD		1	6,5	8,5	4,0	5,4	00012345678910	00123456789
6	13138129	Trương Văn	Ngọc	DH13TD		1	6,0	6,0	3,5	4,5	00012345678910	00123456789
7	13138157	Nguyễn Hồng	Phúc	DH13TD		1	2,5	0,0	3,5	2,6	00012345678910	00123456789
8	13153196	Thân Văn	Quyết	DH13CD		1	5,5	6,0	3,5	4,4	00012345678910	00123456789
9	13138016	Ngô Tài	Sang	DH13TD		1	7,0	8,0	5,0	6,0	00012345678910	00123456789
10	13138173	Trần Vũ	Sang	DH13TD		1	0,0	7,0	3,5	3,5	00012345678910	00123456789
11	13138174	Trần Thị	Sáng	DH13TD		1	6,5	6,5	5,0	5,6	00012345678910	00123456789
12	13138181	Phạm Văn	Tấn	DH13TD		1	5,5	6,0	2,5	3,8	00012345678910	00123456789
13	13138190	Trần Văn	Tấn	DH13TD		1	4,5	9,0	2,0	3,9	00012345678910	00123456789
14	13153236	Phạm Trọng	Tin	DH13CD		1	4,0	6,0	2,5	3,5	00012345678910	00123456789
15	13138223	Đinh Quốc	Toán	DH13TD		1	7,5	7,0	6,0	6,5	00012345678910	00123456789

153



Mã nhận dạng 04421



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD	<i>Phạm Đình Trang</i>	1	5,5	6,0	3,0	4,1	001234567890	0123456789
17	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD	<i>Lê Minh Trọng</i>	1	6,0	6,0	4,5	5,1	001234567890	0123456789
18	13138018	Nguyễn Thanh Trung	DH13TD	<i>Nguyễn Thanh Trung</i>	1	7,5	9,0	7,0	7,5	001234567890	0123456789
19	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD	<i>Phạm Anh Tuấn</i>	1	0,0	8,5	4,0	2,3	001234567890	0123456789
20	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD	<i>Ngô Quốc Vương</i>	1	3,5	9,0	4,5	5,2	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

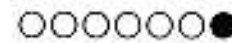
Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Văn Sơn

LÊ QUANG HIẾN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tin Ch 3

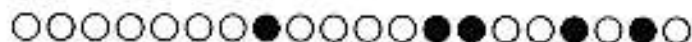
Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

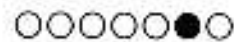
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D3 20%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153002	Kim Thanh Bạch	DH13CD		1	5,0	8,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
2	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD		1	7,0	0,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
3	13153038	Thái Quang Bảo	DH13CD		1	7,5	8,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
4	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD		1	4,5	7,0	4,5	5,0	0012345678910	0123456789
5	13138058	Cao Xuân Hải	DH13TD		1	9,5	7,0	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
6	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD		1	7,0	7,0	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
7	13153108	Bàn Thế Hồng	DH13CD		1	2,5	5,0	4,5	4,2	0012345678910	0123456789
8	13153115	Nguyễn Phúc Huy	DH13CD		1	6,0	8,0	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
9	13153123	Trần Minh Kha	DH13CD		1	5,0	7,0	4,5	5,1	0012345678910	0123456789
10	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD		1	4,0	7,0	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
11	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD		1	6,5	7,0	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
12	13153019	Phan Văn Sinh	DH13CD		1	7,0	8,0	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
13	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD		1	6,5	8,0	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
14	13138178	Ngô Quốc Sứ	DH13TD		1	5,5	7,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
15	12153081	Trần Đặng Thông Thái	DH12CD		1	2,0	7,5	2,5	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04298



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13153213	Nguyễn Hồng	Thắng	DH13CD	02	1	8,0	8,0	6,0	6,8	00123456789
17	13138219	Hồ	Tiếp	DH13TD	1	1	6,5	8,0	6,5	6,8	00123456789
18	12153157	Nguyễn Anh	Tuấn	DH12CD	1	1	6,5	7,5	4,5	5,5	00123456789
19	13138255	Phùng Anh	Vĩ	DH13TD	1	1	3,0	7,5	3,5	4,2	00123456789
20	13138251	Đỗ Ngọc	Việt	DH13TD	1	1	6,5	7,0	3,0	4,5	00123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

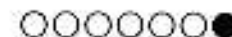
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Bền LÊ QUANG HIỀN

Nguyễn Văn Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

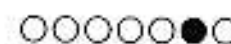
Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm K
1	13138031	Lê Bá Công	DH13TD		1	8,0	8,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
2	11138013	Trần Mạnh Cường	DH11CD		1	7,5	0,0	4,0	3,9	0012345678910	0123456789
3	09153003	Đào Khắc Diễn	DH09CD17							0012345678910	0123456789
4	13138047	Ngô Việt Định	DH13TD		1	5,5	6,0	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
5	12138034	Nguyễn Đình Hoàng Dương	DH12TD							0012345678910	0123456789
6	13138074	Kiều Việt Hiệp	DH13TD		1	6,0	8,0	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
7	13138072	Nguyễn Tự Hiếu	DH13TD		2	6,5	9,0	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
8	13138263	Hợp Tiến Hoàng	DH13TD		1	4,0	5,0	3,5	3,9	0012345678910	0123456789
9	13153106	Nguyễn Huy Hoàng	DH13CD		1	8,5	8,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
10	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD		1	4,5	6,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
11	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD		1	1,0	0,0	0,5	0,5	0012345678910	0123456789
12	13138083	Nguyễn Đức Huy	DH13TD		1	6,0	8,0	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
13	13138008	Phan Xuân Liêm	DH13TD		1	5,0	7,5	4,5	5,2	0012345678910	0123456789
14	12153189	Tạ Duy Long	DH12CD		1	4,5	6,0	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
15	13138009	Nguyễn Kim Hải	DH13TD		1	4,0	8,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04369



Trang 2/2

052

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_02 - 001_DH13TD_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD200

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số 50%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13138148	Phạm Khánh Phi	DH13TD	<i>Phi</i>	1	3,0	6,0	3,0	3,6	001234567890	0123456789
17	13138189	Vân Thành Tân	DH13TD	<i>Tân</i>	1	6,0	2,5	7,0	6,9	001234567890	0123456789
18	13153228	Mai Thanh Tinh	DH13CD							001234567890	0123456789
19	12138130	Phạm Việt	DH12TD	<i>Viet</i>	1	5,5	6,0	5,0	5,3	001234567890	0123456789
20	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD	<i>Tuan</i>	1	2,0	9,0	2,0	3,4	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Bông LÊ QUANG HIỂN

Nguyễn Văn Ngọc Thanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD 01 - 001 DH13TD 01

Số Tín Ch. 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trace 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138027	Lương Thế Anh	DH12TD		1	2,0	8,0	0,5	2,3	001●3456789⑩	012●456789
2	13153044	Lê Văn Cảnh	DH13CD		1	5,0	7,5	4,0	4,9	00123●56789⑩	012345678●
3	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD		1	7,0	7,0	5,5	6,1	0012345●789⑩	0●23456789
4	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD		1	2,0	8,0	3,5	4,1	00123●56789⑩	0●23456789
5	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD		1	5,0	7,5	2,5	4,0	00123●56789⑩	●123456789
6	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD		1	2,0	7,0	0,5	2,1	001●3456789⑩	0●23456789
7	13138090	Hà Văn Hương	DH13TD		1	5,0	7,5	3,0	4,3	00123●56789⑩	012●456789
8	13153128	Nguyễn Đăng Khoa	DH13CD		1	4,0	8,0	3,0	4,2	00123●56789⑩	01●3456789
9	13153129	Nguyễn Đình Đăng Khoa	DH13CD		1	7,0	8,0	4,0	5,4	001234●6789⑩	0123●56789
10	13138099	Cao Hoàng Lâm	DH13TD		1	5,0	8,0	3,5	4,7	00123●56789⑩	0123456●89
11	13138103	Nguyễn Đình Lâm	DH13TD		1	3,0	7,0	2,0	3,2	0012●3456789⑩	01●3456789
12	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD		1	5,0	7,5	4,5	5,2	001234●6789⑩	01●3456789
13	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD		1	2,0	8,0	0,5	2,3	001●3456789⑩	012●456789
14	13138141	Nguyễn Huỳnh Như	DH13TD		1	5,0	8,0	3,0	4,4	00123●56789⑩	0123●56789
15	13138165	Mãn Hồng Quân	DH13TD		1	5,0	7,0	1,0	3,0	0012●3456789⑩	●123456789



Mã nhận dạng 04220



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_01 - 001_DH13TD_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD		1	5,0	7,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
17	13153202	Nguyễn Tấn Sỹ	DH13CD		1	6,5	7,5	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
18	13138199	Trịnh Viết Thành	DH13TD		1	3,0	7,5	2,5	3,4	0012345678910	0123456789
19	13153216	Lê Bửu Thi	DH13CD		1	6,0	7,5	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
20	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD		1	3,0	7,5	3,5	4,2	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

HD: 20
Vắng: 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Ngọc Thạch

CBCT1

CBCT2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm: Điện tử công suất(207510) - DH13TD_01 - 001_DH13TD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD303

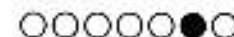
Lớp DH12CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số 60%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153062	Nguyễn Văn Đức	DH12CD	<i>Đức</i>	1	5,0	6,0	4,0	4,6	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13138001	Hoàng Văn Dũng	DH13TD	<i>Dũng</i>	1	7,5	9,0	6,0	6,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD	<i>Hiếu</i>	1	2,0	7,0	6,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13138091	Lâm Tấn Kha	DH13TD	<i>Kha</i>	1	6,0	9,0	7,0	7,2	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13138097	Trần Tiến Khôi	DH13TD	<i>Khôi</i>	1	6,0	7,5	4,0	5,1	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13138112	Đặng Thành Lợi	DH13TD	<i>Lợi</i>	1	7,0	7,5	5,0	5,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13138118	Nguyễn Văn Mến	DH13TD	<i>Mến</i>	1	6,0	9,0	5,5	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13138153	Huỳnh Hoàng Phú	DH13TD	<i>Phú</i>	1	2,0	8,0	3,0	3,8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	13138015	Võ Bảo Quốc	DH13TD	<i>Quốc</i>	1	4,0	8,0	5,5	5,7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD	<i>Sang</i>	1	5,0	7,0	6,0	6,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	13138183	Vũ Minh Tâm	DH13TD	<i>Tâm</i>	2	9,0	9,0	8,0	8,4	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD	<i>Tân</i>	1	5,0	9,0	3,5	4,9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD	<i>Thành</i>	1	5,0	7,5	3,0	4,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD	<i>Thế</i>	1	5,0	7,5	3,0	4,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD	<i>Thoại</i>	1	8,0	7,0	5,5	6,3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04297



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Điện tử công suất(207510) - DH13TD_01 - 001_DH13TD_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 27/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 90%	D2 90%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13138220	Trương Tấn	Tinh	DH13TD	1	5,0	8,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
17	13138248	Nguyễn Thanh	Tú	DH13TD	1	4,0	8,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
18	13153255	Lê Ngọc Triệu	Tuấn	DH13CD						0012345678910	0123456789
19	13138249	Nguyễn Khánh	Tường	DH13TD	1	7,0	7,5	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
20	13138253	Phạm Tiến	Việt	DH13TD	1	7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

HD: 19

Vay: 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Bình

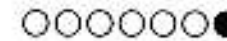
Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Ngọc Thạch

CBET1
Lê Quang HiềnCBET2
Cao Đức Lợi



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\ Nhóm SCADA(207517) - DH12TD_01 - 001_DH12TD_01

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138042	Hoàng Phi Hùng	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	6,5	6		6,3	0012345678910	0123456789
2	12138131	Lê Quang Ngọc	DH12TD	<i>[Signature]</i>	2	8	8		8,0	0012345678910	0123456789
3	12138103	Phạm Văn Trường	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	0	7		3,5	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Lê Văn Bình

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Đặng Ngọc Trâm

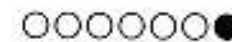
Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1
[Signature]

Lê Quang Hải

CBCT2
[Signature]

Ngô Văn Ngọc Trâm



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm SCADA(207517) - DH12TD_01 - 001_DH12TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138034	Nguyễn Đình Hoàng	Dương	DH12TD		1	0	6		3,0	001234567890	0123456789
2	12138047	Dương Văn	Hoan	DH12TD		2	7	8		7,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Đặng Ngọc Tiên

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1
[Signature]
Lê Quang Hân

CBCT2
[Signature]
Nguyễn Văn Ngọc Thào

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm SCADA(207517) - DH12TD 01 - 001 DH12TD 01

Số Tín Ch. 2

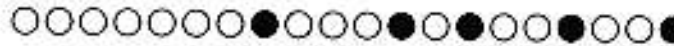
Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi **RD204**

Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138010	Trần Đức Anh	DH12TD		2	9	9		9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	12138017	Trần Đức Bảo	DH12TD		1	6	8		7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12138025	Phạm Thanh Bình	DH12TD		2	6,5	7,5		7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12138001	Nguyễn Trường Chinh	DH12TD		2	5	8,5		7.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12138035	Phan Tiến Đạt	DH12TD		2	9,5	9		9.3	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12138062	Tăng Võ Lâm	DH12TD		1	8	7,5		7.8	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	12138118	Dương Hồng Linh	DH12TD		1	7,5	8,5		8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	12138066	Đặng Tiểu Long	DH12TD		1	7	8		7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12138123	Nguyễn Tấn Nghiêm	DH12TD		1	7	8		7.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	12138090	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH12TD		1	8	8		8.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	12138093	Nguyễn Minh Tâm	DH12TD		2	9	9		9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	12138005	Lê Thành Trung	DH12TD		1	8,5	9,5		9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	12138130	Phạm Việt Trung	DH12TD		1	6,5	6,5		6.5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12138087	Trương Thị Tuyết	DH12TD		1	9	9		9.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04425



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm SCADA(207517) - DH12TD_01 - 001_DH12TD_01

Số Tín Chỉ 2

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
15	12149092	Hoàng Văn Việt	DH12TD	✓		✓	✓		✓	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Hoàng Văn Việt
hoàng văn việt

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đặng Ngọc Tuấn
 Đặng Ngọc Tuấn

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT1
Hoàng Văn Việt
 Lê Quang Hiến

CBCT2
Nguyễn Văn Việt
 Nguyễn Văn Việt

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm SCADA(207517) - DH12TD_01 - 001 DH12TD_01

Sổ Tin Ch 2

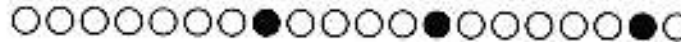
Ngày Thi **12/01/2016**

Phỏng Thi RD204

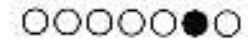
Lớp **DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138068	Lê Hoàng Đứ	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	8.0	9		8.5	001234567890	0123456789
2	12138002	Lê Đức Duy	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	7.5	8.5		8.0	001234567890	0123456789
3	12138049	Nguyễn Trọng Hoàn	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	0	9		4.5	001234567890	0123456789
4	12138098	Phan Huy Hoàng	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	8.5	8.5		8.5	001234567890	0123456789
5	12138053	Vũ Quang Hùng	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	0	6.5		3.3	001234567890	0123456789
6	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	5	7.5		6.3	001234567890	0123456789
7	12138071	Trần Vũ Nam Kha	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	6.5	7		6.8	001234567890	0123456789
8	12138058	Nguyễn Xuân Khả	DH12TD	<i>[Signature]</i>	✓	✓	✓		✓	001234567890	0123456789
9	12138121	Lê Phúc Khánh	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	8	8		8.0	001234567890	0123456789
10	12138069	Nguyễn Bá Lộc	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	7	8		7.5	001234567890	0123456789
11	12138072	Dương Văn Lộc	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	9	9		9.0	001234567890	0123456789
12	12138075	Nguyễn Huy Minh	DH12TD	<i>[Signature]</i>	2	7.0	7.5		7.3	001234567890	0123456789
13	12138091	Lê Việt Sơn	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	7	8		7.5	001234567890	0123456789
14	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	8	8		8.0	001234567890	0123456789
15	12138099	Nguyễn Đình Thy	DH12TD	<i>[Signature]</i>	1	0	7		3.5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04226



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm SCADA(207517) - DH12TD_01 - 001_DH12TD_01

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 12/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12138134	Võ Đình Trương	DH12TD		2	7,5	8,5		8,0	001234567890	0123456789
17	12138104	Phạm Văn Tuấn	DH12TD		1	7	8		7,5	001234567890	0123456789
18	12138083	Bùi Minh Vi	DH12TD		1	9	8		8,5	001234567890	0123456789
19	12138007	Vũ Quốc Vinh	DH12TD		1	6,5	7		6,8	001234567890	0123456789
20	12138008	Trần Lê Tuấn Vũ	DH12TD		1	8	8		8,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

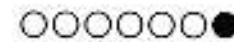
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

CBCT 2

Vũ Cường Hiền Ngã Võ Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Tự động hóa máy b,bi đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_ Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016 Phòng Thi RD104

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 90%	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138025	Phạm Thanh Bình	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
2	12138034	Nguyễn Đình Hoàng	DH12TD			7,5		7,5	7,5	001234567890	0123456789
3	12138002	Lê Đức Duy	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
4	12138098	Phan Huy Hoàng	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
5	12138042	Hoàng Phi Hùng	DH12TD			7,5		8,0	7,9	001234567890	0123456789
6	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
7	12138071	Trần Vũ Nam Kha	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
8	12138121	Lê Phúc Khánh	DH12TD			7,0		7,5	7,4	001234567890	0123456789
9	12138118	Dương Hồng Linh	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
10	12138069	Nguyễn Bá Lộc	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
11	12138004	Huỳnh Quỳnh	DH12TD			7,0		8,5	8,2	001234567890	0123456789
12	12138091	Lê Việt Sơn	DH12TD			6,5		8,0	7,6	001234567890	0123456789
13	12138093	Nguyễn Minh Tâm	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
14	12138005	Lê Thành Trung	DH12TD			7,0		7,5	7,4	001234567890	0123456789
15	12138134	Võ Đình Trường	DH12TD			7,5		8,5	8,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04375



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Tự động hóa máy b. bị đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	D.Số %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm R
16	12138104	Phạm Văn Tuấn	DH12TD			7,0		8,0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12138087	Trương Thị Tuyết	DH12TD			7,0		8,0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12138083	Bùi Minh Vi	DH12TD			7,0		7,5	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	12138006	Nguyễn Hoàng Việt	DH12TD			6,5		7,5	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

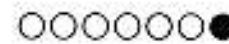
Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

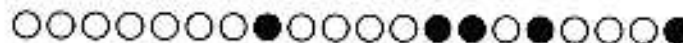
Môn Học/Nhóm Tự động hóa máy b.đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_ Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016 Phòng Thi RD104

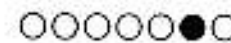
Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 80%	D2 %	D số %	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138010	Trần Đức Anh	DH12TD			7,5		8,5	8,2	00123456789	013456789
2	12138115	Bùi Văn Bảo	DH12TD			7,5		8,5	8,2	00123456789	013456789
3	12138001	Nguyễn Trường Chinh	DH12TD			7,0		8,0	7,7	00123456789	0123456789
4	12138035	Phan Tiến Đạt	DH12TD			7,5		8,5	8,2	00123456789	013456789
5	12138068	Lê Hoàng Đà	DH12TD			7,0		7,5	7,4	00123456789	0123456789
6	12138117	Nguyễn Văn Hào	DH12TD			7,5		8,5	8,2	00123456789	013456789
7	12138003	Ngô Huy Hùng	DH12TD							00123456789	0123456789
8	12138058	Nguyễn Xuân Khá	DH12TD							00123456789	0123456789
9	12138126	Nguyễn Duy Khương	DH12TD			7,0		8,0	7,7	00123456789	0123456789
10	12138062	Tăng Võ Lâm	DH12TD			7,5		8,5	8,2	00123456789	013456789
11	12138072	Dương Văn Lộc	DH12TD			7,0		7,5	7,4	00123456789	0123456789
12	12138075	Nguyễn Huy Minh	DH12TD			7,5		7,5	7,5	00123456789	0123456789
13	12138122	Nguyễn Thanh Mỹ	DH12TD			7,0		7,5	7,4	00123456789	0123456789
14	12138123	Nguyễn Tấn Nghiễm	DH12TD			6,5		8,0	7,6	00123456789	0123456789
15	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD			7,0		8,0	7,7	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 04305



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Tự động hóa máy b.hì đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	D.Số 30%	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12138099	Nguyễn Đình Thy	DH12TD			7,0		7,5	7,4	001234567890	0123456789
17	12138130	Phạm Việt Trung	DH12TD			7,5		7,5	7,5	001234567890	0123456789
18	12138111	Ngô Văn Viễn	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
19	12138007	Võ Quốc Vinh	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
20	12138008	Trần Lê Tuấn Vũ	DH12TD			6,5		7,5	7,2	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Đan

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Ngọc Thanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Tự động hóa máy b.bì đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	D.Số 75%	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138044	Phạm Phúc Nha	DH12TD			7,5		7,5	7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	12138127	Phan Thanh Quý	DH12TD			7,5		7,5	7,5	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
3	12138090	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH12TD			7,0		8,0	7,7	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Bân

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Vũ Ngọc Trâm



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Tự động hóa máy b.bí đóng gói(207523) - DH12TD_01 - 001_

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 18/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH12TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Đ.Số %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	12138047	Dương Văn Hoan	DH12TD			7,0		8,0	7,7	001234567890	0123456789
2	12138103	Phạm Văn Trường	DH12TD			6,5		8,0	7,6	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

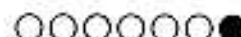
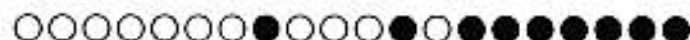
Lô Văn Đan

Cán Bộ Chấm Thi 1

LÊ QUANG HIỀN

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Võ Ngọc Thảo



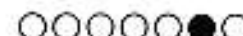
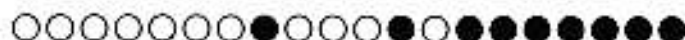
DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12138002	Lê Đức Duy	DH12TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	001234567890	0123456789
2	12138004	Huỳnh Quỳnh	DH12TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	001234567890	0123456789
3	12138006	Nguyễn Hoàng Việt	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		6,0	6,6	001234567890	0123456789
4	12138008	Trần Lê Tuấn Vũ	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		4,0	5,2	001234567890	0123456789
5	12138025	Phạm Thanh Bình	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		6,0	6,6	001234567890	0123456789
6	12138046	Nguyễn Thế Hiền	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		7,0	7,3	001234567890	0123456789
7	12138047	Dương Văn Hoàn	DH12TD	<i>[Signature]</i>		6,0		6,5	6,4	001234567890	0123456789
8	12138049	Nguyễn Trọng Hoàn	DH12TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	001234567890	0123456789
9	12138053	Vũ Quang Hùng	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		8,0	8,0	001234567890	0123456789
10	12138055	Huỳnh Tấn Hưng	DH12TD	<i>[Signature]</i>		7,0		3,0	4,2	001234567890	0123456789
11	12138068	Lê Hoàng Đù	DH12TD	<i>[Signature]</i>		9,0		8,5	8,7	001234567890	0123456789
12	12138069	Nguyễn Bá Lộc	DH12TD	<i>[Signature]</i>		7,0		7,0	7,0	001234567890	0123456789
13	12138071	Trần Vũ Nam Kha	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		5,5	6,3	001234567890	0123456789
14	12138072	Dương Văn Lộc	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		7,5	7,7	001234567890	0123456789
15	12138075	Nguyễn Huy Minh	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		5,0	5,9	001234567890	0123456789
16	12138091	Lê Việt Sơn	DH12TD	<i>[Signature]</i>		7,0		6,5	6,7	001234567890	0123456789
17	12138093	Nguyễn Minh Tâm	DH12TD	<i>[Signature]</i>		9,0		9,0	9,0	001234567890	0123456789
18	12138104	Phạm Văn Tuấn	DH12TD	<i>[Signature]</i>		8,0		6,0	6,6	001234567890	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	12138118	Dương Hồng Linh	DH12TD	Linh		9,0		8,5	8,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12149092	Huỳnh Văn Việt	DH12TD	Việt		8,0		5,0	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 00

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

Lê Quang Hiền

Ngô Vũ Ngọc Thảo

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 02

70%

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm là
1	12138005	Lê Thành Trung	DH12TD			7,0		6,5	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
2	12138007	Vũ Quốc Vinh	DH12TD			7,0		4,0	4,9	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
3	12138010	Trần Đức Anh	DH12TD			9,0		7,5	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	12138017	Trần Đức Bảo	DH12TD			8,0		4,0	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	12138035	Phan Tiến Đạt	DH12TD			9,0		9,0	9,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	12138042	Hoàng Phi Hùng	DH12TD			9,0		8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	12138062	Tăng Võ Lâm	DH12TD			7,0		9,0	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
8	12138066	Đặng Tiểu Long	DH12TD			8,0		6,5	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	12138083	Bùi Minh Vi	DH12TD			8,0		5,0	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
10	12138087	Trương Thị Tuyết	DH12TD			8,0		6,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
11	12138090	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH12TD			9,0		8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
12	12138099	Nguyễn Đình Thy	DH12TD			7,0		4,0	4,9	○○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	12138111	Ngô Văn Viễn	DH12TD			7,0		7,0	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	12138115	Bùi Văn Bảo	DH12TD			9,0		8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
15	12138117	Nguyễn Văn Hào	DH12TD			8,0		4,0	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	12138121	Lê Phúc Khánh	DH12TD			8,0		6,0	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	12138122	Nguyễn Thanh Mỹ	DH12TD			8,0		4,0	5,2	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	12138129	Nguyễn Công Thuận	DH12TD			9,0		7,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Thực tập ROBOT công nghiệp (207617) - 02

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12138130	Phạm Việt Trung	DH12TD			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
20	12138131	Lê Quang Ngọc	DH12TD			8,0		5,5	6,3	0012345678910	0123456789
21	12138134	Vô Đình Trừng	DH12TD			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vàng: 00

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cân bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê
LÊ QUANG HIỀN

Lee and Ben

LÊ QUANG HIỀN

Ng. Võ Ngọc Thảo